

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS-PT
Ngày: 10/4/2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần An, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLPT- DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số:82/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:115/2019/QĐXX-PT ngày 12 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số 62, ấp T1, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1977; địa chỉ: Tổ 28, ấp T1, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Cao Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 28, ấp T1, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày:

Về tiền vay: Ngày 15/5/2017 (ngày âm lịch 20/4/2017); bà Hồ Thị H vay tiền của chị Đặng Thị Bùm cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H1, ông Cao Văn T số tiền 100.000.000 đồng trong hạn 10 ngày trả, lãi suất 5.000.000 đồng/10 ngày. Đến hạn, bà H1 không trả nợ gốc và xin trả tiền lãi 1 tháng số tiền 15.000.000 đồng; bà H1 và ông T trả tiền lãi được 2 tháng ngưng và viết giấy nợ ghi trả đã trả lãi đến tháng 10/2017, bà H chấp nhận. Bà H cũng trả tiền lãi xong cho người khác.

Tháng 10/2017 (9/2017 âm lịch), bà H vay tiếp dùm cho bà H1 và ông Tsố

tiền 30.000.000 đồng để đóng hội, trả nợ tiền lãi và chi phí trong gia đình, số tiền vay này không tính tiền lãi.

Tháng 11/2017 (10/2017 âm lịch), bà H vay tiếp dùm cho bà H1 và ông Tsố tiền 30.000.000 đồng để đóng hội, trả nợ tiền lãi và chi phí trong gia đình; số tiền này không tính lãi. Tổng số tiền vay 160.000.000 đồng.

Về tiền hội:

Ngày 25-12-2016 âm lịch, bà H mở hội 3.000.000 đồng/tháng, gồm 3 dây, đều đặn vào ngày 25-10-2018 âm lịch; 03 dây hội đều có 24 phần/dây. Bà H1 và ông Ttham gia góp mỗi dây 01 phần hội; bà Bé là em ruột của bà H1 tham gia góp hội 03 phần trong 03 dây; ông Tuấn em ruột của bà H1 tham gia góp hội 01 phần hội trong dây 3. Sau đó bà Bé và ông Tuấn sang hết phần hội góp cho bà H1 và ông Thanh; như vậy bà H1 và ông Ttham gia 3 dây hội gồm 07 phần hội. Cụ thể:

Dây hội 1, bà H1 lĩnh hội vào lần thứ 6 ngày 25-5-2017 âm lịch và lần thứ 7 ngày 25-6-2017 âm lịch; bà H1 đã nhận tiền hội xong.

Dây hội 2, bà H1 lĩnh hội lần thứ 2 ngày 25-01-2017 âm lịch và lần thứ 4 ngày 25-3-2017 âm lịch;

Dây hội 3, bà H1 lĩnh hội lần thứ 3 ngày 25-02-2017 âm lịch và lần thứ 4 ngày 25-3-2017 âm lịch và lần thứ 5 ngày 25-4-2017 âm lịch. Tất cả các lần lĩnh hội bà H đã giao tiền xong cho bà H1 và bà H1 đã trả tiền còn nợ cho bà H gồm tiền lãi, tiền hội chết; có khi ông T biết, có khi không có ông Tở nhà. Những lần lĩnh hội, bà H1 và ông T đóng hội chết đến tháng 10-2017; từ tháng 11-2017 ngưng không đóng hội chết. Tính đến ngày mãn hội, bà H1, ông T còn nợ 12 tháng tiền hội với tổng số tiền 252.000.000 đồng (21.000.000 đồng/tháng).

Ngày 12-10-2017 (dương lịch), bà H mở 6 dây hội 1.000.000 đồng/tháng/dây; mỗi dây có 22 phần; đều đặn vào ngày 12-7-2019 (dương lịch); bà H1 và ông Ttham gia góp 06 dây hội, mỗi dây góp 01 phần hội. Mở hội lần đầu tiên bà H1 bỏ thâm và lĩnh hết 6 dây hội; bà H đã đủ tiền xong cho bà H1. Bà H1, ông T đóng hội chết được 01 tháng 11-2017; từ tháng 12-2017 đến nay bà H1 ngưng. Tính đến ngày mãn hội, bà H1 còn nợ 20 tháng hội chết, mỗi tháng số tiền 6.000.000 đồng, thành tiền là 120.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay và tiền các dây hội bà H1 và ông T còn nợ bà H số tiền 532.000.000 đồng (252.000.000 đồng + 120.000.000 đồng + 160.000.000 đồng). Bà H1, ông T sử dụng tiền vào mục đích làm ăn chung của hai vợ chồng, nên bà H yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ; bà H1 yêu cầu điều chỉnh tiền lãi đã trả theo lãi suất Nhà nước cho đến nay; bà H đồng ý. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà H1 xác nhận lời khai của bà H về tiền hội và tiền vay là đúng.

Tiền hội: Bà H1 có tham gia góp hội với bà H07 dây hội; gồm hội 3.000.000 đồng/tháng và 06 dây hội 1.000.000 đồng/tháng; bà đều lĩnh hết hội. Bà đóng hội chết đến tháng 10-2017 âm lịch (11/2017 dương lịch) ngưng. Từ tháng 11-2017 âm lịch, bà không đóng hội chết do làm ăn thất bại.

Tiền vay: Bà có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng vào tháng 4-2017, tiền lãi 10 ngày là 5.000.000 đồng; bà H nói không có tiền để bà H vay của người khác dùm, bà không biết bà H vay của ai. Các bên không thỏa thuận thời

gian trả; bà trả tiền lãi 15.000.000 đồng/tháng và trả lãi đến tháng 10-2017 âm lịch. Tháng 9-2017 bà có vay số tiền 30.000.000 đồng, tháng 10-2017 bà vay số tiền 30.000.000 đồng; tổng số tiền 60.000.000 đồng để trả tiền lãi cho tiền vay 100.000.000 đồng và các khoản vay khác nhưng bà không nhớ; bà trả tiền lãi 15.000.000 đồng/tháng đến tháng 10-2017 âm lịch ngưng; việc trả tiền lãi không có giấy tờ. Nay bà yêu cầu điều chỉnh số tiền lãi đã trả để trừ vào tiền vốn cho bà. Bà đồng ý có nợ bà H số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng; số tiền vay 60.000.000 đồng trả lãi thì bà xin. Bà Hyêu cầu trả tiền hụi 372.000.000 đồng và tiền vay là 160.000.000 đồng bà đồng ý; nhưng xin trả $\frac{1}{2}$ số tiền hụi và yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi đã trả theo lãi nhà nước cho đến nay. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Cao Văn T trình bày:

Bà H1 tham gia góp hụi và vay tiền của bà H là do bà H1 thực hiện, ông không biết, nhưng biết hai bên có qua lại tiền hụi và tiền vay. Nay ông đồng ý cùng bà H1 trả nợ số tiền cho bà Hạnh. Ngoài ra ông không có ý kiến khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H đối với bà Nguyễn Thị H1 và ông Cao Văn T về “ Tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Cao Văn T có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị H số tiền 471.889.000 (Bốn trăm bảy mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn) đồng; trong đó số tiền vay 99.889.000 đồng, số tiền hụi 372.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/11/2018, bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo; nội dung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà trả cho bà H số tiền 39.889.000 đồng số tiền vay; bà không đồng ý trả số tiền hụi; vì số tiền hụi bà có tham gia góp hụi nhưng không có lĩnh hụi; do bà H lĩnh để đắp vào tiền lãi suất cao của số tiền vay.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 và ông Cao Văn T có nghĩa vụ trả

cho bà số tiền hụi 372.000.000 đồng và số tiền vay 160.000.000 đồng; tổng số tiền phải trả 532.000.000 đồng.

Bà Hvà bà H1 đều thống nhất đã trả lãi đến tháng 11-2017 dương lịch với số tiền là 90.000.000 đồng và đồng ý điều chỉnh lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay.

Ông Tthống nhất với bà H1 có nợ số tiền vay 160.000.000 đồng và nợ số tiền hụi 372.000.000 đồng; nhưng xin trả $\frac{1}{2}$ số tiền hụi.

[2] Xét kháng cáo của bà H1, thấy rằng:

Về tiền hụi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H1 và ông Tthừa nhận còn nợ hụi bà H số tiền 372.000.000 đồng và nợ tiền vay số tiền 160.000.000 đồng; bà H1 đồng ý trả tiền vay và xin trả $\frac{1}{2}$ số tiền hụi, nhưng không được bà H đồng ý; do đó cấp sơ thẩm căn cứ theo điều 5, 9, 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về họ, hụi, biếu, phượng buộc bà H1 và ông T có nghĩa vụ trả nợ tiền hụi số tiền 372.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà H1 kháng cáo không đồng ý trả số tiền hụi còn nợ cho bà Hạnh; cho rằng có tham gia góp hụi; số tiền lĩnh hụi bà H1 không được nhận mà do bà H bỏ thâm và nhận tiền hụi đắp vào tiền lãi của số tiền do bà vay; nhưng bà H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, không được bà H thừa nhận. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1.

Về tiền vay: Bà H1 xác định có vay của bà H số tiền 160.000.000 đồng. Các bên đương sự thống nhất xác định số tiền lãi đã trả 90.000.000 đồng (tính đến tháng 11/2017 dương lịch) và cùng có yêu cầu điều chỉnh số tiền lãi đã trả; do thỏa thuận lãi suất vượt mức lãi suất quy định của pháp luật, nên cấp sơ thẩm đã điều chỉnh phần tiền lãi đã trả là có căn cứ.

Tuy nhiên việc điều chỉnh lãi suất và tiền lãi tính một lần từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 29.889.000 đồng là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại.

Tiền lãi tính như sau:

+ Giai đoạn từ thời điểm vay ngày 15/5/2017 đến thời điểm ngưng trả tiền lãi ngày 15/11/2017 trên số tiền vay 100.000.000 đồng; gồm 6 tháng; số tiền lãi bà H1 phải trả theo quy định của pháp luật: $100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 9.960.000 \text{ đồng}$, được trừ vào số tiền lãi đã trả vượt mức quy định của pháp luật:

$$90.000.000 \text{ đồng} - 9.960.000 \text{ đồng} = 80.040.000 \text{ đồng}$$

Như vậy số tiền lãi 80.040.000 đồng được trừ vào nợ gốc số tiền: $100.000.000 \text{ đồng} - 80.040.000 \text{ đồng} = 19.960.000 \text{ đồng}$

+ Giai đoạn tiếp theo từ ngày 15/11/2017 đến xét xử sơ thẩm ngày 13/11/2018 trên nợ gốc số tiền 19.960.000 đồng; gồm 11 tháng 29 ngày; lãi suất theo quy định của pháp luật phải trả: $19.960.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 11 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 3.960.000 \text{ đồng}$.

Do đó số tiền vay bà H1 ông T phải trả là: 83.920.000 đồng (60.000.000 đồng + 23.920.000 đồng) và tiền hụi phải trả là 372.000.000 đồng; tổng cộng là 455.920.000 (bốn trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi ngàn) đồng.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của

bà **Nguyễn Thị H1**; **sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi**. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin miễn, giảm tiền án phí sơ thẩm đề ngày 8 tháng 4 năm 2019; có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh phù hợp theo quy định tại Điều 13 **Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án**; do đó căn cứ khoản 6, Điều 15 **Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án**; **chấp nhận giảm 50% án phí sơ thẩm cho yêu cầu xin miễn, giảm tiền án phí sơ thẩm của bà H1, ông Thanh.**

Bà Nguyễn Thị H1 và ông Cao Văn T phải chịu số tiền 11.118.400 (mười một triệu, một trăm mười tám ngàn, bốn trăm) đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 29 của **Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**; bà Nguyễn Thị H1, ông Cao Văn T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1.

Sửa bản án sơ thẩm số: 82/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh

Áp dụng các Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13; 15; khoản 2 Điều 26 của **Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H đối với bà Nguyễn Thị H1 và ông Cao Văn T về “Tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Cao Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị H số tiền **455.920.000 (bốn trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi ngàn) đồng.**

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà H1, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Cao Văn T phải chịu số tiền 11.118.400 (mười một triệu, một trăm mười tám ngàn, bốn trăm) đồng.

Hoàn trả cho bà Hồ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.640.000 (mười hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008245 ngày 17-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu số tiền 300.000 đồng. **Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh** hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0008377

ngày 26 tháng 11 năm 2018.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS h. Gò Dầu;
- TAND h. Gò Dầu;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Minh Châu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

